

**TAND QUẬN THANH XUÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

===== o0o =====

Bản án số: 28/2018/ HNGĐ-ST

Ngày: 24 /7/2018

V/v: Tranh chấp ly hôn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

===== *** =====

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Tòa án Nhân dân Quận Thanh Xuân

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: **Bà Sa Thị Phụng**
- Các hội thẩm nhân dân: **Bà Chu Thị Tuyết**
Ông Đỗ Quang Linh

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Xuân:

Bà Nguyễn Thị Tố Lan - Kiểm sát viên.

-Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: **Ông Vũ Thanh Tùng**- Cán bộ Tòa án nhân dân quận Thanh Xuân.

Hôm nay, ngày 24 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Xuân xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 504/2017/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2017 về việc Tranh chấp ly hôn. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 83/2018/QĐXX ngày 07 tháng 5 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2018/QĐST-HNGĐ ngày 24/ 5/2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 38/2018/QĐST-HNGĐ ngày 06/ 7/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Vũ Thị H - Sinh năm: 1955

Bị đơn: Ông Lê Chính N - Sinh năm: 1952

Cùng trú tại: Số 117 phố V, phường K, quận T, thành phố Hà Nội. (Ông Lê Chính N vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn và các lời khai nguyên đơn bà Vũ Thị H trình bày: Bà và ông Lê Chính N kết hôn tự nguyện có đăng ký kết hôn ngày 03/02/1979 tại UBND khu phố B, thành phố Hà Nội. Sau khi kết hôn ông bà sống chung tại địa chỉ số 117 phố V, phường K, quận T, thành phố Hà Nội đến nay. Vợ chồng sống chung hạnh phúc cho đến năm 1984 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn bà cho rằng không rõ mâu thuẫn và chỉ nghĩ là tại sao ông N không lo sức khỏe cho bà, bà nghi ngờ rằng ông N có tình nhân và còn có hành vi đánh đập bà. Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông N.

Về con chung: Ông bà có 02 con chung: Anh Lê Ngọc T, sinh ngày 23/11/1979 và anh Lê H, sinh ngày 24/01/1984. Hai con của ông bà đã trưởng thành, có gia đình và không sinh sống cùng ông bà.

Về tài sản và nhà đất chung, bà H yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung của ông bà cụ thể là: Bà yêu cầu Tòa giải quyết cho bà được hưởng toàn bộ quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà đất tại số 117 V, quận T, thành phố Hà Nội và buộc ông Lê Chính N phải trả lại cho bà số tiền 40.000.000đ là tiền vốn ông bà mở cửa hàng bán thuốc, nay do ông N là người sử dụng cửa hàng nên phải trả lại tiền vốn cho bà.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Lê Chính N trình bày: Ông và bà Vũ Thị H kết hôn tự nguyện có đăng ký kết hôn hợp pháp vào năm 1979. Sau khi kết hôn ông bà chung sống với nhau đến năm 2010 thì bà H sức khỏe trở nên không được tốt, bà có nhiều biểu hiện của người mắc bệnh tâm thần kinh, cụ thể là bà H nói rất nhiều, tự tưởng tượng ra nhiều chuyện và không tin tưởng một ai. Gia đình ông rất bất ngờ về sức khỏe của bà ấy. Bố con ông đã nhiều lần muốn đưa bà H đi khám nhưng bà H nhất định không đi. Có lần bà H đã điều trị tại Bệnh viện y học cổ truyền Quân đội về bệnh khác, bác sỹ thấy sự không bình thường của bà H nên đã mời các bác sỹ của khoa tâm thần kinh của Bệnh viện quân y 103 về hội chẩn, các bác sỹ cho rằng bà H có biểu hiện mắc bệnh tâm thần và muốn đưa bà đến Bệnh viện 103 để điều trị nhưng bà H chống đối không đi nên không thể đưa bà H vào viện để chữa bệnh được. Bệnh tình của bà H đến nay không thay đổi. Do bà H không đi khám cho nên không có kết luận của cơ quan y tế về sức khỏe cụ thể của bà H là như thế nào.

Nay bà H xin ly hôn ông biết lý do là bà H đã tưởng tượng ra nhiều việc như là cho rằng ông đánh đập bà ấy hoặc là ông có những mối quan hệ khác... Ông khẳng định là mối quan hệ vợ chồng bao năm của ông bà không có gì thay đổi, ông vẫn cố gắng chăm sóc bà H vì ông biết bà H bị bệnh. Ông yêu cầu Tòa án bác đơn ly hôn của bà H để gia đình ông có điều kiện chăm sóc sức khỏe của bà H.

Về con chung: Ông bà có 02 con chung là anh Lê Ngọc T, sinh ngày 23/11/1979 và anh Lê H, sinh ngày 24/01/1984. Các con của ông bà đều đã trưởng thành và có gia đình riêng.

Về tài sản và nhà đất chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nay do bận việc cá nhân nên ông xin được vắng mặt tất cả các buổi làm việc của Tòa án và giữ những ý kiến đã trình bày tại Tòa án.

Tại phiên tòa bà Vũ Thị H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Ông Lê Chính N vắng mặt nên không thêm có lời trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Xuân tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm. Về tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án đến khi trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng qui định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 4 điều 147; Điều 227; Điều 271; 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Áp dụng: Điều 51; 56 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử bác đơn xin ly hôn của bà Vũ Thị H đối với ông Lê Chính N. Về con chung; tài sản chung và nhà đất chung: Do không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà H nên không xét. Về án phí: Bà H phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật. Hoàn trả lại bà H phần án phí yêu cầu chia tài sản, nhà đất chung mà bà H đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Về tố tụng: Bị đơn ông Lê Chính N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ những văn bản của Tòa án cũng như Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, ông N có ý kiến xin được vắng mặt tại các buổi làm việc của Tòa án. Căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt ông Lê Chính N.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định: Bà Vũ Thị H và ông Lê Chính N kết hôn tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND khu phố Ba Đình, thành phố Hà Nội ngày 03/02/1979. Đây là cuộc hôn nhân hợp pháp. Hội đồng xét xử xét thấy từ khi kết hôn đến nay ông bà đã có một khoảng thời gian dài chung sống hạnh phúc, cùng nuôi dưỡng với 02 con chung của ông bà trưởng thành, cùng nhau yêu thương quan tâm chăm sóc nhau cả những lúc cuộc sống gia đình khó khăn nhất. Những mâu thuẫn mà bà H đưa ra chỉ là những suy nghĩ của bà về tình cảm của ông N chứ bà chưa đưa ra được mức độ mâu thuẫn và thời gian mâu thuẫn. Quá trình giải quyết vụ án, ông N cho rằng hiện nay sức khỏe của bà H không được tốt, rất cần sự chăm sóc của chồng con, điều này thể hiện tình cảm cũng như trách nhiệm của ông và các con đối với bà H, như vậy thấy rằng mâu thuẫn của ông bà chưa được thể hiện rõ, mục đích hôn nhân của gia đình bà H vẫn

đang tồn tại. hai bên ông bà cần có thời gian sống bên nhau để chăm sóc, giúp đỡ nhau trong cuộc sống và thêm thời gian để bà H suy nghĩ lại về hạnh phúc gia đình. Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn hôn nhân của ông N và bà H chưa trầm trọng kéo dài, vẫn có khả năng để giải quyết, do vậy cần quyết định bác yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà H, tạo thêm điều kiện để ông bà Hn gắn hạnh phúc gia đình để cùng nhau hưởng tuổi già vui vẻ bên con cháu.

- Về con chung: Ông N và bà H có 02 con chung Anh Lê Ngọc T, sinh ngày 23/11/1979 và anh Lê H, sinh ngày 24/01/1984. Hai con của ông bà đã trưởng thành.

- **Về tài sản và nhà đất chung:** Bà yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản, nhà đất chung của ông bà cụ thể là: Bà yêu cầu Tòa giải quyết cho bà được hưởng toàn bộ quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà đất tại số 117 Vương Thừa Vũ, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội và buộc ông Lê Chính N phải trả lại cho bà số tiền 40.000.000đ là tiền vốn ông bà mở cửa hàng bán thuốc, nay do ông N là người sử dụng cửa hàng nên phải trả lại tiền vốn cho bà. Do quyết định bác đơn xin ly hôn của bà H và ông Lê Chính N không yêu cầu Tòa án giải quyết về phân tài sản, nhà đất chung nên Hội đồng xét xử không xét yêu cầu chia tài sản, nhà đất trên của bà H.

- **Về án phí:** Bà H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo qui định của pháp luật. Hoàn trả lại cho bà H phần tiền tạm ứng án phí đối với yêu cầu chia tài sản, nhà đất chung bà H đã nộp.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Bởi các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Khoản 4 điều 147; Điều 227; Điều 271; 273 Bộ luật tố tụng dân sự

Áp dụng: Điều 51; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Áp dụng: Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

- Bác đơn xin ly hôn của bà Vũ Thị H.

- Về án phí: Bà Vũ Thị H phải nộp **300.000đồng** (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) bà H đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 08047 ngày 01/11/2017 của Thi hành án dân sự quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội. Hoàn trả cho bà Vũ Thị H

36.000.000đồng (ba mươi sáu triệu đồng) tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 08047 ngày 01/11/2017 của Thi hành án dân sự quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt bà Vũ Thị H, vắng mặt ông Lê Chính N. Bà H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông N có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hợp lệ bản án

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hà Nội.
- VKSND quận Thanh Xuân
- Thi hành án quận Thanh Xuân.
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

SA THỊ PHƯỢNG